

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 02 - 2026

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lò Thị Hiền
2. Bà Nguyễn Thị Việt Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Vân - Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên;

Ngày 04 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên. Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 72/2025/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2025 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2026/QĐXXST- HNGĐ ngày 07/01/2026, Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2026/QĐST-HNGĐ ngày 20/01/2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị **Giàng Thị B.** Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên. Hiện trú tại: Bản H, xã M, tỉnh Điện Biên. (Vắng mặt)

2. *Bị đơn:* Anh **Chá A M.** Địa chỉ: Bản N, xã M, tỉnh Điện Biên. Hiện đang chấp hành án tại: Phân trại số X - Trại giam N - Cục C10, Bộ Công an. Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường N, tỉnh Ninh Bình. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/11/2025, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

- Về hôn nhân: Chị B, anh M kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên vào ngày 05/01/2024. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc nhưng do ngày

16/5/2025 anh M vi phạm pháp luật và bị kết án 13 năm tù nên chị B không thể chung sống với chồng đến khi ra tù. Vì vậy, chị B yêu cầu được ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nguyên đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Tại bản tự khai, đơn đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn trình bày:

- Về hôn nhân: Anh M thừa nhận anh và chị B có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2024, kết hôn tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hòa hợp, hạnh phúc trong thời gian anh chưa phạm tội. Đến ngày 16/5/2025 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh vi phạm pháp luật và bị xử 13 năm tù. Sau khi anh bị bắt, vợ chồng đã phát sinh mâu thuẫn do anh vi phạm pháp luật, từ đó vợ chồng không tím được tiếng nói chung trong cuộc sống. Nay chị B xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý, lý do: Anh phải chấp hành án 13 năm trong khi đó vợ chồng chưa có con chung, tuổi đời còn trẻ, anh đồng ý ly hôn để chị B đi tìm hạnh phúc riêng cho bản thân.

- Về con chung: Anh M và chị B không có con chung.
- Về tài sản chung và nợ chung: Anh M và chị B không có tài sản chung, không có công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền xét xử: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã M, tỉnh Điện Biên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[2] Về thủ tục tố tụng:

Về việc vắng mặt đương sự: Do nguyên đơn, bị đơn đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228, Điều 238/BLTTDS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện:

Chị B, anh M có đăng ký kết hôn ngày 05/01/2024 tại UBND xã M, huyện Đ (nay là xã M), tỉnh Điện Biên là hôn nhân hợp pháp.

Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng: Qua lời khai của các đương sự, thấy rằng nguyên nhân dẫn chính dẫn đến mâu thuẫn do anh M vi phạm pháp luật và bị xử phạt 13 năm tù. Do đó có căn cứ về việc các đương sự hiện không còn tình cảm, không quan tâm gì đến nhau, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng (nghĩa vụ yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc nhau...) làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện và giải quyết cho chị B được ly hôn với anh M.

[3.2] Về con chung: Chị B và anh M thống nhất không có con chung.

[3.3] Về tài sản chung: Các đương sự thống nhất không có tài sản chung.

[3.4] Về nợ chung: Các đương sự thống nhất vợ chồng không có nợ chung.

[4] Từ những phân tích trên, các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Giàng Thị B.

1. Về hôn nhân: Chị Giàng Thị B được ly hôn với anh Chá A M.

2. Về con chung: Không có.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Giàng Thị B phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0000236 ngày 04/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên. (Chị B đã nộp đủ tiền án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 1 - ĐB;
- Những người tham gia tố tụng;
- THADS tỉnh ĐB;
- Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên;
- UBND xã M, tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Minh Huệ